

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **268/2019/DS-ST**  
Ngày: 27-8-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Thái Hoàn Xanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thanh H – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP V; Trụ sở: 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Chi nhánh: 165-167-169 đường H, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà C, số 20 đường C, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 02/2019/UQ-GĐK-TDĐT ngày 14/01/2019) (có mặt).

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1973; Ngụ tại: 90/3E đường B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 14/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do bà Phạm Thị H làm đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Vào ngày 18/10/2014, bà Nguyễn Thị Thanh T có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ No 074846 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047) với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và đồng ý mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 5% giá trị khoản vay tiêu dùng, tổng cộng của khoản vay là 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 45.830.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. 35 tháng đầu tiên mỗi tháng trả số tiền là 1.270.000 đồng; tháng cuối cùng trả số tiền là 1.380.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/12/2014.

Thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân. Tính đến ngày 31/5/2017, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền là 16.890.000 (trong đó đã trả được 9.744.336 đồng tiền gốc và 7.145.664 đồng tiền lãi). Sau đó, bà T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do bà T trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T chấm dứt hợp đồng và trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 11.255.664 đồng
- Trả toàn bộ khoản nợ lãi: 17.684.336 đồng

Tổng số tiền Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán là: 28.940.000 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng nộp đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thanh T có thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền là 5.000.000 đồng, cụ thể ngày 27/02/2019 thanh toán 3.000.000 đồng, ngày 24/5/2019 thanh toán 2.000.000 đồng.

Vì vậy, số tiền còn lại Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán là 23.940.000 đồng (trong đó nợ gốc là 6.255.664 đồng, nợ lãi là 17.684.336 đồng). Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực nếu bà Nguyễn Thị Thanh T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật dân sự.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP V. Bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 23.940.000 đồng (trong đó nợ gốc là 6.255.664 đồng, nợ lãi là 17.684.336 đồng), trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Nguyễn Thị Thanh T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019 của nguyên đơn, Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ No 074846 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047), Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án

nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho bà Nguyễn Thị Thanh T theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

- *Về yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047 ngày 18/10/2014:*

Xét Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ No 074846 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047) ngày 18/10/2014 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền 23.940.000 đồng (trong đó nợ gốc là 6.255.664 đồng, nợ lãi là 17.684.336 đồng) của Hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047 ngày 18/10/2014:*

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047 ngày 18/10/2014 thì có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thanh T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và đồng ý mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 5% giá trị khoản vay tiêu dùng, tổng cộng của khoản vay là 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng). Bà T đã trả được số tiền nợ gốc là 14.744.336 đồng. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 6.255.664 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tại Hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047 ngày 18/10/2014 các bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng thì mức lãi suất 5%/tháng do các bên thỏa

thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047 ngày 18/10/2014 là hoàn toàn phù hợp.

Xét việc bà Nguyễn Thị Thanh T đã thỏa thuận trả lãi cho Ngân hàng số tiền là 24.830.000 đồng, thực tế đã thanh toán được số tiền lãi là 7.145.664 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ lãi còn lại là 17.684.336 đồng là hoàn toàn có cơ sở nên được chấp nhận.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 23.940.000 đồng, do đó án phí bà T phải chịu là 1.197.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 723.500 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0012551 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### ***Tuyên xử:***

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Hợp đồng tín dụng số 20141030-500001-0047 ngày 18/10/2014 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Thanh T được chấm dứt.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 23.940.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng), bao gồm:

- Nợ gốc là 6.255.664 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi tư đồng).

- Nợ lãi là: 17.684.336 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng).

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## 2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.197.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi bảy ngàn đồng)

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 723.500 đồng (bảy trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0012551 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## 3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Đinh Thị Hương**